

THÔNG BÁO

Kết luận của đồng chí Nguyễn Tiến Hùng – PBT Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm, dự kiến cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Xín Mần

Chiều ngày 04/4/2024, đồng chí Nguyễn Tiến Hùng, PBT Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện đã chủ trì cuộc họp với các cơ quan, đơn vị về phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm, dự kiến cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần. Tham dự cuộc họp gồm có: Trưởng, Phó Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục & Đào tạo, Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Chuyên viên phụ trách khối nội chính (Ghi biên bản).

Cuộc họp đã thông qua nội dung Tờ trình số 51/TTr-PNV ngày 03/4/2024 của Phòng Nội vụ huyện và nghe các ý kiến thảo luận tại hội nghị. Đồng chí Nguyễn Tiến Hùng, Chủ tịch UBND huyện kết luận như sau:

I. Nhất trí cho chủ trương phê duyệt chủ trương phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm, dự kiến cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần, cụ thể như sau:

1. Vị trí việc làm khối trường mầm non (theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.1. Số lượng vị trí việc làm: 14 vị trí, gồm

- Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý: **02** vị trí (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng)
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: **04** vị trí (giáo viên mầm non hạng I; hạng II; hạng III; hỗ trợ giáo dục người khuyết tật).
- Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: **05** vị trí (văn thư; kế toán; thủ quỹ; thư viện; y tế học đường).
- Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: **03** vị trí (nhân viên bảo vệ; phụ vụ; nấu ăn).

1.2. Cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm (theo Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ)

- Vị trí lãnh đạo quản lý: không quy định hạng CDNN
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung (tính tỉ lệ % theo số biên chế thuộc VTVL chuyên ngành, chuyên môn dùng chung), cụ thể:
 - + Hạng I và tương đương: không quá 10% (tương ứng 39 chỉ tiêu)
 - + Hạng II và tương đương: không quá 50% (tương ứng 197 chỉ tiêu)

+ Hạng III và tương đương trở xuống: không quá 40% (tương ứng 157 chỉ tiêu)

2. Vị trí việc làm khối trường Tiểu học (theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

2.1. Số lượng vị trí việc làm: 17 vị trí, gồm

- Vị trí việc làm lãnh đạo quản lí: **02** vị trí (*Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng*)
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: **06** vị trí (*giáo viên tiểu học hạng I; hạng II; hạng III; giáo vụ; tư vấn học sinh; hỗ trợ giáo dục người khuyết tật*).
- Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: **06** vị trí (*văn thư; kế toán; thủ quỹ; thư viện, quản trị công sở; y tế học đường*).
- Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: **03** vị trí (*nhân viên bảo vệ; phụ vụ; nấu ăn*).

2.2. Cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm (theo Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ)

- Vị trí lãnh đạo quản lí: không quy định hạng CDNN
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung (*tính tỉ lệ % theo số biên chế thuộc VTVL chuyên ngành, chuyên môn dùng chung*), cụ thể:
 - + Hạng I và tương đương: không quá 10% (tương ứng 54 chỉ tiêu)
 - + Hạng II và tương đương: không quá 50% (tương ứng 271 chỉ tiêu)
 - + Hạng III và tương đương trở xuống: không quá 40% (tương ứng 217 chỉ tiêu)

3. Vị trí việc làm khối trường THCS (theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3.1. Số lượng vị trí việc làm: 18 vị trí, gồm

- Vị trí việc làm lãnh đạo quản lí: **02** vị trí (*Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng*)
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: **07** vị trí (*giáo viên tiểu học hạng I, hạng II; hạng III; thiết bị, thí nghiệm; giáo vụ; tư vấn học sinh; hỗ trợ giáo dục người khuyết tật*).
- Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: **06** vị trí (*văn thư; kế toán; thủ quỹ; thư viện; quản trị công sở; y tế học đường*).
- Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: **03** vị trí (*nhân viên bảo vệ; phụ vụ; nấu ăn*).

3.2. Cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm (theo Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ)

- Vị trí lãnh đạo quản lí: không quy định hạng CDNN
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung (*tính tỉ lệ % theo số biên chế thuộc VTVL chuyên ngành, chuyên môn dùng chung*), cụ thể:
 - + Hạng I và tương đương: không quá 10% (tương ứng 33 chỉ tiêu)
 - + Hạng II và tương đương: không quá 50% (tương ứng 164 chỉ tiêu)

+ Hạng III và tương đương trở xuống: không quá 40% (tương ứng 130 chỉ tiêu)

4. Vị trí việc làm tại Trung tâm GDNN-GDTX (theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT và Thông tư số 11/2023/TT-BLĐTBXH)

4.1. Số lượng vị trí việc làm: 24 vị trí, gồm

- Vị trí việc làm lãnh đạo quản lí: **02** vị trí (Giám đốc, Phó Giám đốc)
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: **12** vị trí (giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I, hạng II; giáo viên GDNN lý thuyết hạng III; giáo viên GDNN thực hành hạng III; giáo viên GDNN hạng IV; giáo viên THPT hạng I, hạng II, hạng III; thiết bị, thí nghiệm; giáo vụ; tư vấn học sinh; hỗ trợ giáo dục người khuyết tật).
- Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: **06** vị trí (văn thư; kế toán; thủ quỹ; thư viện; quản trị công sở; y tế học đường).

- Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: **03** vị trí (nhân viên kỹ thuật; bảo vệ; phụ vụ; lái xe).

4.2. Cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm (theo Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ)

- Vị trí lãnh đạo quản lí: không quy định hạng CDNN
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung (tính tỉ lệ % theo số biên chế thuộc VTVL chuyên ngành, chuyên môn dùng chung), cụ thể:
 - + Hạng I và tương đương: không quá 10% (tương ứng 02 chỉ tiêu)
 - + Hạng II và tương đương: không quá 50% (tương ứng 08 chỉ tiêu)
 - + Hạng III và tương đương trở xuống: không quá 40% (tương ứng 06 chỉ tiêu)

5. Vị trí việc làm tại Trung tâm Văn hoá, TTDL (theo Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL và Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT)

5.1. Số lượng vị trí việc làm: 56 vị trí, gồm

- Vị trí việc làm lãnh đạo quản lí: **02** vị trí (Giám đốc, Phó Giám đốc)
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: **49** vị trí, gồm:
 - + **Lĩnh vực văn hoá: 26 vị trí** (thư viện viên hạng II, hạng III, hạng IV; di sản viên hạng II, hạng III, hạng IV; phương pháp viên hạng II, hạng III, hạng IV; hướng dẫn viên văn hoá hạng II, hạng III, hạng IV; đạo diễn nghệ thuật hạng II, hạng III, hạng IV; diễn viên hạng II, hạng III, hạng IV; họa sĩ hạng II, hạng III, hạng IV; huấn luyện viên hạng II, hạng III, hạng IV; tuyên truyền viên văn hoá, tuyên truyền viên văn hoá trung cấp;)

+ **Lĩnh vực truyền thanh – truyền hình: 23 vị trí** (biên tập viên hạng II, hạng III; phóng viên hạng I, hạng II, hạng III; đạo diễn hạng II, hạng III; âm thanh viên hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV; kỹ thuật dựng phim hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV; phát thanh viên hạng I, hạng II, hạng III; quay phim hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV).

- Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: **02** vị trí (kế toán; thủ quỹ).
- Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: **03** vị trí (nhân viên kỹ thuật; bảo vệ; lái xe).

5.2. Cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm (theo Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ)

- Vị trí lãnh đạo quản lí: không quy định hạng CDNN
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung (tính tỉ lệ % theo số biên chế thuộc VTVL chuyên ngành, chuyên môn dùng chung), cụ thể:
 - + Hạng I và tương đương: không quá 10% (tương ứng 02 chỉ tiêu)
 - + Hạng II và tương đương: không quá 50% (tương ứng 11 chỉ tiêu)
 - + Hạng III và tương đương trở xuống: không quá 40% (tương ứng 09 chỉ tiêu)

6. Vị trí việc làm tại Trạm Khuyến nông (theo Thông tư số 11/2023/TT-BNNPTNT)

6.1. Số lượng vị trí việc làm: 11 vị trí, gồm

- Vị trí việc làm lãnh đạo quản lí: **02** vị trí (người đứng đầu đơn vị SNCL, cấp phó của đứng đầu đơn vị SNCL)
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: **06** vị trí (khuyến nông hạng II, hạng III, hạng IV; kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng II, hạng III, hạng IV)
- Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: **02** vị trí (kế toán; thủ quỹ).
- Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: **01** vị trí (bảo vệ).

6.2. Cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm (theo Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ)

- Vị trí lãnh đạo quản lí: không quy định hạng CDNN
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung (tính tỉ lệ % theo số biên chế thuộc VTVL chuyên ngành, chuyên môn dùng chung), cụ thể:
 - + Hạng I và tương đương: không quá 10% (tương ứng 0 chỉ tiêu)
 - + Hạng II và tương đương: không quá 50% (tương ứng 02 chỉ tiêu)
 - + Hạng III và tương đương trở xuống: không quá 40% (tương ứng 01 chỉ tiêu)

II. Giao Văn phòng HĐND&UBND huyện tham mưu văn bản lấy ý kiến các đồng chí thành viên UBND huyện trước khi UBND huyện phê duyệt đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị.

Căn cứ kết luận, giao Văn phòng HĐND&UBND huyện đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Các đồng chí TVUBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện;
- CVP, CVNC;
- Lưu: VT

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Thèn Văn Tiến

